

Số: /GPMT-UBND

Buôn Hồ, ngày tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản Số 43/CV-BHO, ngày 17/5/2024 của Công ty TNHH Sài Gòn - Buôn Hồ V/v đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Buôn Hồ”;

Theo đề nghị tại Báo cáo số 120/BC-TNMT, ngày 30/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Buôn Hồ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Sài Gòn - Buôn Hồ, địa chỉ tại số 464 Hùng Vương, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Buôn Hồ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Buôn Hồ.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại số 464 Hùng Vương, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp 6001561746, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/5/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

1.4. Mã số thuế: 6001561746

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị tự chọn

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Siêu thị Co.opmart Buôn Hồ đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/12/2018, với tổng diện tích sàn xây dựng là 5.195,58 m², quy mô xây dựng gồm 2 tầng (tầng 1 và tầng 2), chiều cao công trình là 15 m.

- Công suất hoạt động: Ước tính lượng khách ra vào Siêu thị Co.opmart Buôn Hồ khoảng 800 người/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Đảm bảo yêu cầu đối với chất thải nguy hại quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Đảm bảo yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sài Gòn - Buôn Hồ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 9 năm 2024 đến ngày tháng 9 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, UBND phường An Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Siêu thị Co.opmart Buôn Hồ được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Sài Gòn - Buôn Hồ;
- VP HĐND – UBND thị xã (*Đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử thị xã*);
- TT. HĐND-UBND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng TNMT thị xã (T/h);
- UBND phường An Bình (T/h);
- Lưu VT, TNMT (A.6b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Cẩm Mlô

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường Số: /GPMT-UBND, ngày tháng 9
 năm 2024 của UBND thị xã Buôn Hồ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Có 02 nguồn nước thải phát sinh

- Nguồn thứ 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của Siêu thị.

- Nguồn thứ 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu bếp nấu của của Siêu thị và các gian hàng ăn uống cho thuê.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 50m³/ngày.đêm), đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước chung của thị xã Buôn Hồ trên tuyến đường Hùng Vương được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả thải số 32/GP-UBND ngày 27/8/2019.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý được bơm đẩy vào đường ống nhựa PVC $\phi 60\text{mm}$ đặt ngầm trong khuôn viên siêu thị rồi dẫn qua hố ga trước cổng siêu thị thuộc tuyến đường Hùng Vương (quốc lộ 14). Sau đó từ hố ga dẫn qua đường ống ngầm dài 12m nối vào hệ thống thoát nước chung thị xã Buôn Hồ sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận là suối Krông Búk.

2.3. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰30') cụ thể như sau: X = 0474329; Y = 1428379.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả nước thải thực tế là: 6 m³/ngày.đêm.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là: 50 m³/ngày.đêm, tương đương 2,08 m³/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Bơm tự động

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24h/ngày đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Siêu thị đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, (cột A, k = 1,0) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải tại Siêu thị như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị C		Tần suất quan trắc định kỳ
			A	Cmax	
1	pH	-	5-9	5-9	3 tháng/lần
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	30	3 tháng/lần
3	TSS	mg/l	50	50	3 tháng/lần
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	500	3 tháng/lần
5	Sulfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	1,0	3 tháng/lần
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5	5	3 tháng/lần
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (Tính theo N)	mg/l	30	30	3 tháng/lần
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	10	3 tháng/lần
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	5	3 tháng/lần
10	Phosphat(PO ₄ ³⁻) (Tính theo P)	mg/l	6	6	3 tháng/lần
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	3.000	3 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (nguồn số 01): được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC đường kính Φ114mm về bể tự hoại 03 ngăn (gồm 02 bể) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn theo hệ thống ống dẫn Φ114mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quy định.

- Nước thải từ hoạt động chế biến thực phẩm, nấu ăn và hoạt động sơ chế rau củ quả, thực phẩm tươi sống tại khu vực bếp và các gian hàng ăn uống cho thuê (nguồn số 02): được thu gom qua song chắn rác, sau đó theo đường ống Φ168mm dẫn về bể tách mỡ (2 bể tách mỡ 1 và 2), sau đó dẫn theo tuyến ống

dẫn $\Phi 114\text{mm}$ về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dung tích: Gồm 02 bể, kích thước bể 1 là $3,6\text{m} \times 1,6\text{m} \times 2,2\text{m}$, kích thước bể 2 là $6,4\text{m} \times 2,8\text{m} \times 2,7\text{m}$; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm hai lớp bên trong.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải phát sinh từ khu bếp nấu của các gian hàng ăn uống cho thuê → Ngăn chứa → Ngăn tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dung tích: Gồm 02 bể, thể tích mỗi bể là 5m^3 ; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm hai lớp bên trong.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Công suất thiết kế: $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ) → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể màng MBR (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A) trước khi dẫn về hệ thống thu gom, thoát nước chung của thị xã Buôn Hồ (theo Giấy phép xả thải số 32/GP-UBND ngày 27/8/2019 và Công văn số 339/UBND-QLĐT ngày 25/03/2019 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc thỏa thuận đầu nối thoát nước cho công trình Siêu thị Co.opmart Buôn Hồ).

- Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải tập trung gồm: Hồ thu gom (kích thước $1,0\text{m} \times 1,4 \text{ m} \times 3,4\text{m}$); Bể tách mỡ 03 bể (kích thước $1,5\text{m} \times 1,4\text{m} \times 3,4\text{m}$ mỗi bể); Bể điều hòa (kích thước $3,2\text{m} \times 2,0\text{m} \times 3,4\text{m}$); Bể Anoxic (kích thước $2,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,4\text{m}$); Bể hiếu khí (kích thước $3,9\text{m} \times 2,0\text{m} \times 3,4\text{m}$); Bể màng MBR (kích thước $2,0\text{m} \times 1,3\text{m} \times 3,4\text{m}$); Bể chứa nước sạch (kích thước $2,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 3,4\text{m}$); Bể chứa bùn (kích thước $5,4\text{m} \times 1,4\text{m} \times 3,4\text{m}$).

- Kết cấu các bể xử lý: Xây dựng bằng bê tông cốt thép, chống thấm theo đúng quy định.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine (hoặc các hòa chất khác tương đương để đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Sài Gòn – Buôn Hồ chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường Số: /GPMT-UBND, ngày tháng 9 năm 2024 của UBND thị xã Buôn Hồ)

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng (công suất 320KVA);
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông (khu vực nhà giữ xe).

2. Lưu lượng khí thải tối đa:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống khói máy phát điện: lưu lượng xả thải không xác định (chỉ xả thải trong trường hợp Siêu thị bị mất điện, máy phát điện hoạt động không thường xuyên).
- Nguồn số 02: lưu lượng xả thải không xác định, không liên tục.

3. Dòng khí thải:

- Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Dòng khí thải phát sinh từ ống thải của máy phát điện dự phòng.
- Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Từ khu vực nhà giữ xe.

4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2008/BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	500
4	NO _x	mg/Nm ³	850

5. Vị trí xả khí thải:

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰30')

- Nguồn số 01: X = 0474270; Y = 1428352.
- Nguồn số 02: Khu vực nhà giữ xe.

6. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01: Xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).
- Nguồn số 02: Xả gián đoạn.

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Cơ sở phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 4 Phụ lục này trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường Số: /GPMT-UBND, ngày tháng 9 năm 2024 của UBND thị xã Buôn Hồ)

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn do hoạt động của máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hệ thống máy lạnh, điều hòa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: X = 0474270; Y = 1428352.
- Nguồn số 02: X = 0474279; Y = 1428314.

3. Giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung:**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	55	Khu vực đặc biệt
2	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT (dB)	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	60	Khu vực đặc biệt
2	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	Khu vực thông thường

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phụ lục này./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
CHẤT THẢI NGUY HẠI

(Kèm theo Giấy phép môi trường Số: /GPMT-UBND, ngày tháng 9
năm 2024 của UBND thị xã Buôn Hồ)

1. Yêu cầu đối với thiết bị, kho, khu vực lưu giữ, trạm trung chuyển chất thải nguy hại:

1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:

- Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa (dung tích 20 lít và 120 lít) có nắp đậy kín, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định.

1.2. Kho/khu lưu chứa chất thải trong nhà:

Khu vực kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 4,59 m², kho được xây kín, có nền bê tông, trong kho bố trí các thùng chứa có nắp đậy cho từng loại chất thải, dán nhãn tên và mã chất thải nguy hại theo quy định.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

Chất thải nguy hại phải được quản lý đảm bảo theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tần suất chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý: Tối thiểu 01 lần/năm./.

Phụ lục 5
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường Số: /GPMT-UBND, ngày tháng 9
 năm 2024 của UBND thị xã Buôn Hồ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: cơ sở không phát sinh.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng phát sinh trung bình 100-200 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh: Khối lượng phát sinh trung bình nhỏ hơn 200kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Cơ sở bố trí 01 thùng rác 120L và 04 thùng rác 20L có nắp đậy và dán nhãn: biển cảnh báo, tên chất thải nguy hại, mã CTNH, trạng thái, ngày lưu chứa theo đúng quy định Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nhà lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 4,59 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nhà lưu chứa chất thải nguy hại được xây kết cấu tường gạch, nền bê tông chống thấm, có cửa kín, bên ngoài nhà lưu chứa có dán nhãn và bảng cảnh báo nguy hiểm theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa (loại 11,5 - 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn phân loại đúng theo quy định) trong các khu vực quầy hàng, khu tự chọn và đường nội bộ trong khuôn viên Siêu thị để thu gom chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và từ khách hàng tới mua sắm.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế có diện tích 18 m², kết cấu nền gạch, vách tôn, mái lợp tôn.

- Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 12 m², kết cấu nền gạch, vách tôn, mái lợp tôn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng chống cháy nổ:

Siêu thị thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy theo đúng các quy định hiện hành, đã được Cảnh sát PC và CC tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 65/TD-PCCC ngày 14/06/2018. Các biện pháp PCCC tại Siêu thị cụ thể như sau:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động theo đúng quy định về an toàn PCCC;

- Cấm sử dụng thuốc lá và các vật liệu dễ gây cháy nổ tại các khu vực dễ cháy như khu lưu chứa chất thải rắn, kho chứa hàng hóa...

- Hệ thống điện đặt cố định được bảo vệ để tránh hư hỏng do va chạm khi di chuyển các thùng chứa và khi xe nâng khi đi qua, các điểm nối điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện.

- Thường xuyên kiểm tra phương tiện, hệ thống PCCC để sửa chữa, khắc phục ngay khi có sự cố, hư hỏng.

- Duy trì liên tục các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 5 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Ứng phó, phòng ngừa sự cố đối với các công trình xử lý nước thải

- *Sự cố của hệ thống thu gom nước thải về trạm xử lý:*

Nguyên nhân: Do vỡ đường ống, tắc nghẽn đường ống.

Biện pháp khắc phục: Thường xuyên kiểm tra định kỳ các đường ống thu gom nước nếu có dấu hiệu của nứt, vỡ, tắc nghẽn cần có biện pháp xử lý ngay tránh để nước thải phát sinh ra môi trường. Bảo dưỡng, súc rửa thường xuyên hệ thống đường ống, với tần suất tối thiểu 01 năm/lần hoặc theo kế hoạch duy tu, bảo dưỡng định kỳ của cơ sở.

- *Sự cố nước thải không đạt yêu cầu:*

Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, chất lượng nước thải sau xử lý không đảm bảo yêu cầu, Siêu thị sẽ tạm dừng hoạt động của hệ thống để tìm nguyên nhân khắc phục, không xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải được lưu tạm thời tại các bể xử lý của hệ thống. Trường hợp khắc phục nhanh nước thải từ bể khử trùng sẽ được bơm tuần hoàn lại bể điều hoà để xử lý, trường hợp phải khắc phục dài ngày yêu cầu siêu thị thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đi xử lý, tuyệt đối không xả nước thải chưa được xử lý trực tiếp ra môi trường./.